

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

Số: 822/QĐ-PVNDB

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói dịch vụ:
“Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam
và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa”
phục vụ kỳ đàm phán giá sản phẩm 6 tháng cuối năm 2026.

GIÁM ĐỐC CHI NHÁNH PHÂN PHỐI SẢN PHẨM LỘC DẦU NGHỊ SƠN

Căn cứ Quyết định số 1518/QĐ-DKVN ngày 03/08/2017 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc thành lập Chi nhánh Phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (Chi nhánh).

Căn cứ Quyết định số 5419/QĐ-CNNL ngày 27/06/2025 của Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc đổi tên Chi nhánh Phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn.

Căn cứ thông tư số 79/2025/TT-BTC ngày 04/08/2025 của Bộ Tài Chính về Hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và mẫu hồ sơ đấu thầu trên hệ thống mạng đấu thầu Quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 1910/QĐ-DKVN ngày 20/9/2017 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc phê duyệt và ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn;

Căn cứ Quyết định số 934/QĐ-PVNDB ngày 18/06/2020 của Giám đốc Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn về việc phê duyệt và ban hành quy trình mua sắm hàng hóa dịch vụ phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh thường xuyên của Chi nhánh Phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn;

Căn cứ Quyết định số 11975/QĐ-CNNL ngày 31/12/2025 của Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam về việc giao Kế hoạch hoạt động năm 2026 cho Chi nhánh Phân phối sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam (PVNDB);

Căn cứ Quyết định số 1498/QĐ-PVNDB ngày 07/07/2025 của Giám đốc Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn về việc phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc Chi nhánh;

Căn cứ Quyết định số 1504/QĐ-PVNDB ngày 08/07/2025 của Giám đốc Chi nhánh Phân phối Sản phẩm Lọc dầu Nghi Sơn về việc Ủy quyền cho các Phó Giám đốc Chi nhánh;

Căn cứ Quyết định số 650/QĐ-PVNDB ngày 17/3/2026 về việc Phê duyệt Phạm vi

công việc và Dự toán gói dịch vụ “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa” phục vụ kỳ đàm phán giá sản phẩm 6 tháng cuối năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 651/QĐ-PVNDB ngày 17/3/2026 về việc thành lập Tổ mua sắm và Tổ thẩm định gói dịch vụ “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa” phục vụ kỳ đàm phán giá sản phẩm 6 tháng cuối năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 738/QĐ-PVNDB ngày 27/3/2026 về việc phê duyệt Kế hoạch mua sắm gói dịch vụ “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa” phục vụ kỳ đàm phán giá sản phẩm 6 tháng cuối năm 2026;

Căn cứ Tờ trình Hồ sơ yêu cầu số 02/HSYC-TMS-QĐ651 ngày 30/3/2026 của Tổ mua sắm gói dịch vụ: “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa” phục vụ kỳ đàm phán giá sản phẩm 6 tháng cuối năm 2026;

Căn cứ Báo cáo thẩm định Hồ sơ yêu cầu số 02/HSYC-TTĐ-QĐ651 ngày 31/3/2026 của Tổ thẩm định gói dịch vụ: “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa” phục vụ kỳ đàm phán giá sản phẩm 6 tháng cuối năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Phê duyệt Hồ sơ yêu cầu gói dịch vụ: “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa” phục vụ kỳ đàm phán giá sản phẩm 6 tháng cuối năm 2026 như tại Phụ lục đính kèm.

Tổ mua sắm có nhiệm vụ phát hành Hồ sơ yêu cầu và triển khai các thủ tục tiếp theo để thực hiện Kế hoạch mua sắm được phê duyệt theo đúng quy định hiện hành.

Điều 2: Trưởng các phòng/bộ phận chức năng có liên quan và các thành viên Tổ mua sắm, Tổ thẩm định chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;
- GĐCN (để b/c);
- Tổ KH&GSTT;
- Lưu: VT, KTKH (linhnd, 02b).

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC



CHI NHÁNH
PHÂN PHỐI SẢN PHẨM
LỘC DẦU NGHỊ SƠN
- TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP
- NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA
VIỆT NAM

Nguyễn Dương Quang



HỒ SƠ YÊU CẦU

(Ban hành kèm theo Quyết định: 822/QĐ-PVNDB ngày 03 / 4 /2026)

GÓI DỊCH VỤ:

“Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa” phục vụ kỳ đàm phán giá 6 tháng cuối năm 2026.

BÊN TỔ CHỨC MUA SẴM

**CHI NHÁNH PHÂN PHỐI SẢN PHẨM LỘC DẦU NGHI SƠN
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM**

CHI NHÁNH PHÂN PHỐI SẢN PHẨM LỘC DẦU NGHI SƠN
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM
BA Đ

Handwritten signature or mark.

MỤC LỤC

PHẦN THỨ NHẤT:	HƯỚNG DẪN THỦ TỤC THAM GIA
PHẦN THỨ HAI:	PHẠM VI CÔNG VIỆC
PHẦN THỨ BA:	CÁC BIỂU MẪU VÀ HƯỚNG DẪN
PHẦN THỨ TƯ:	ĐIỀU KHOẢN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG

TỪ NGỮ VIẾT TẮT

HSYC	Hồ sơ yêu cầu
HSTD	Hồ sơ tham dự
Hệ thống	Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia
DVTV	Dịch vụ tư vấn
ĐXKT	Đề xuất về kỹ thuật
ĐXTM	Đề xuất về thương mại
TCĐG	Tiêu chuẩn đánh giá HSTD
VND	Đông Việt Nam
PVNDB	Chi nhánh Phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam

2-03
HÀNH
SẢN PH
NGHI
CÔNG NG
NG QUỐC
T NAM
VH-T.P

PHẦN THỨ NHẤT: HƯỚNG DẪN THỦ TỤC THAM GIA

Mục 1. Thông tin chung

- Bên tổ chức mua sắm: Chi nhánh Phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam;
- Phạm vi công việc và yêu cầu về hàng hóa/dịch vụ: Nêu tại Phần thứ hai của HSYC;
- Nguồn vốn: Nguồn chi phí sản xuất kinh doanh của Chi nhánh năm 2026;
- Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói;
- Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

Mục 2. Nội dung HSTD

Nhà cung cấp chuẩn bị HSTD với các nội dung về năng lực kinh nghiệm, đề xuất kỹ thuật và đề xuất thương mại phù hợp với phạm vi công việc, cụ thể như sau:

2.1 Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ của nhà cung cấp:

- Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; hoặc Quyết định thành lập;
- Thỏa thuận liên danh (nếu có, trong trường hợp liên danh nhiều nhà cung cấp).

2.2 Tài liệu hồ sơ đề xuất kỹ thuật: bao gồm các tài liệu:

- Báo cáo tài chính của 05 (năm) năm tài chính gần nhất và bản sao chụp của một các tài liệu sau: Biên bản kiểm tra quyết toán thuế của nhà cung cấp trong 05 (năm) năm gần nhất; Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế GTGT và thuế thu nhập Doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai trong 05 (năm) năm gần nhất; hoặc Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế trong 05 (năm) năm tài chính gần nhất;
- Thư đăng ký tham dự – Theo Mẫu số 1
- Thỏa thuận liên danh (nếu có) – Theo Mẫu số 2
- Năng lực và kinh nghiệm của nhà cung cấp – Theo Mẫu số 3
- Đề xuất kỹ thuật – Theo Mẫu số 4

2.3 Tài liệu hồ sơ đề xuất thương mại

- Thư đề xuất thương mại – Theo Mẫu số 5
- Tổng hợp chi phí – Theo Mẫu số 6

Mục 3. Tư cách hợp lệ của nhà cung cấp

Nhà cung cấp có tư cách hợp lệ khi đáp ứng đủ các điều kiện sau đây:

1. Có đăng ký thành lập, hoạt động do cơ quan có thẩm quyền của nước mà nhà cung cấp đang hoạt động cấp;
2. Hạch toán tài chính độc lập;

3. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật; không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu;
4. Các nhà cung cấp có tên trong danh sách ngắn không được liên danh với nhau để tham dự;
5. Nhà cung cấp phải độc lập về pháp lý và độc lập về tài chính với PVNDB và các nhà cung cấp khác như sau:
 - Không cùng thuộc một cơ quan hoặc tổ chức trực tiếp quản lý đối với đơn vị sự nghiệp;
 - Không có cổ phần hoặc vốn góp của nhau; không cùng có cổ phần hoặc vốn góp trên 20% của một tổ chức, cá nhân khác với từng bên.

Mục 4. Chi phí tham dự

Nhà cung cấp chịu mọi chi phí liên quan đến quá trình tham gia gói dịch vụ, kể từ khi nhận HSYC từ Bên mời tham gia cho đến khi ký hợp đồng.

Mục 5. Làm rõ HSYC

Trường hợp nhà cung cấp muốn được làm rõ về nội dung HSYC phải gửi nội dung đề nghị làm rõ trên hệ thống trước thời hạn nộp HSTD 03 ngày làm việc.

Bên tổ chức mua sắm sẽ có trả lời về nội dung làm rõ trên hệ thống trong thời hạn tối thiểu 02 ngày làm việc trước ngày đóng thầu.

Mục 6. Sửa đổi HSYC

Trường hợp sửa đổi HSYC, Bên tổ chức mua sắm đăng tải quyết định sửa đổi kèm theo nội dung sửa đổi và HSYC đã được sửa đổi cho phù hợp. Việc sửa đổi được thực hiện trong thời gian tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày đóng thầu.

Với những trường hợp sửa đổi trọng yếu ảnh hưởng đến yêu cầu kỹ thuật và thương mại, Bên tổ chức mua sắm sẽ gia hạn thời hạn nộp HSTD.

Mục 7. Ngôn ngữ sử dụng

HSTD cũng như tất cả văn bản, tài liệu trao đổi giữa Bên tổ chức mua sắm và nhà cung cấp phải được viết bằng tiếng Việt.

Mục 8. Thời gian có hiệu lực của HSTD

HSTD của nhà cung cấp phải có hiệu lực tối thiểu là 30 ngày và được tính kể từ ngày đến hạn nộp HSTD.

Bên tổ chức mua sắm có thể đề nghị các nhà cung cấp gia hạn hiệu lực của HSTD (gia hạn hiệu lực của cả ĐXKT và ĐXTM). Nếu nhà cung cấp không chấp nhận việc gia

W
ON
HIỆP
GIÁ
HÀ NỘI

hạn thì HSTD của nhà cung cấp không được xem xét tiếp. Nhà cung cấp chấp nhận đề nghị gia hạn không được phép thay đổi bất kỳ nội dung nào của HSTD.

Mục 9. Quy cách của HSTD và chữ ký trong HSTD

1. Được cố định theo định dạng tệp tin PDF/Word và đăng tải trên Hệ thống, đảm bảo tuân thủ quy định về đấu thầu rộng rãi qua mạng đối với gói thầu dịch vụ phi tư vấn với phương thức 01 giai đoạn, 02 túi hồ sơ.
2. Nhà cung cấp phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và phù hợp của HSTD.
3. HSTD phải được đánh máy, in bằng mực không tẩy được.
4. Những chữ được ghi thêm, ghi chèn vào giữa các dòng, những chữ bị tẩy xóa hoặc viết đè lên sẽ chỉ được coi là hợp lệ nếu có chữ ký ở bên cạnh hoặc tại trang đó của người ký thư đăng ký tham dự.
5. Trong trường hợp trúng thầu, hồ sơ gốc của nhà cung cấp sẽ được cung cấp cho bên mời thầu sau khi kết thúc quá trình lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 10. Niêm phong và cách ghi trên túi đựng HSTD

Không áp dụng.

Mục 11. Thời hạn và địa điểm nộp hồ sơ

1. Nhà cung cấp phải đăng tải HSTD một cách hợp lệ lên hệ thống.
2. Thời hạn nộp (đăng tải) HSTD là: theo thông báo mời thầu được đăng tải.
3. Bên tổ chức mua sắm có thể gia hạn thời hạn nộp HSTD trong trường hợp cần tăng thêm số lượng HSTD hoặc khi sửa đổi HSYC khi Bên tổ chức mua sắm xét thấy cần thiết. Việc gia hạn sẽ được công bố trên hệ thống.

Mục 12. Sửa đổi, thay thế hoặc rút HSTD

Sau khi nộp HSTD, nhà cung cấp có thể rút, thay thế hoặc sửa đổi HSTD.

Trường hợp cần sửa đổi HSTD đã nộp, nhà cung cấp phải tiến hành rút toàn bộ HSTD đã nộp trước đó để sửa đổi cho phù hợp. Sau khi hoàn thiện HSTD, nhà cung cấp tiến hành nộp lại HSTD mới.

Nhà cung cấp được rút HSTD trước thời điểm đóng thầu. Hệ thống thông báo cho nhà cung cấp tình trạng rút HSTD (thành công hay không thành công). Hệ thống ghi lại thông tin về thời gian rút HSTD của nhà cung cấp.

Nhà cung cấp chỉ được rút, sửa đổi, nộp lại HSTD trước thời điểm đóng thầu. Sau thời điểm đóng thầu, tất cả các HSTD nộp thành công trên hệ thống đều được mở thầu để đánh giá.

Mục 13. Mở HSTD

Thời gian mở HSTD: trong vòng 02 giờ kể từ thời điểm hết hạn nộp HSTD

Mục 14. Làm rõ HSTD

Nhà cung cấp có trách nhiệm làm rõ HSTD theo yêu cầu và thời hạn của Bên tổ chức mua sắm. Tất cả yêu cầu làm rõ của Bên tổ chức mua sắm và phản hồi của nhà cung cấp phải được thực hiện trên hệ thống.

Mục 15. Kiểm tra và đánh giá tính hợp lệ của HSTD

1. Kiểm tra tính hợp lệ của HSTD: kiểm tra số lượng, sự thống nhất của các văn bản và thành phần của HSTD theo quy định tại Mục 2.

2. Đánh giá tính hợp lệ của HSTD:

HSTD của nhà cung cấp được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

a. Có đơn tham dự được đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và có đầy đủ nội dung đáp ứng yêu cầu theo Mẫu đơn tham dự quy định trong HSTD.

b. Nhà cung cấp bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 3;

Nhà cung cấp có HSTD hợp lệ sẽ được đánh giá chi tiết về kỹ thuật và thương mại. Nhà cung cấp có HSTD không hợp lệ sẽ bị loại, không được đánh giá tiếp.

Mục 16. Đánh giá chi tiết HSTD

1. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Việc đánh giá về kỹ thuật đối với từng HSTD được thực hiện theo phương pháp chấm điểm theo thang điểm 100, bao gồm các nội dung sau đây:

STT	Nội dung đánh giá	Điểm tối đa	Điểm chi tiết	Điểm tối thiểu
1	Năng lực và kinh nghiệm công ty	30		20
1.1	Kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự trong 05 năm gần đây liên quan đến ít nhất hai (02) trong các nội dung: nghiên cứu/khảo sát nhu cầu thị trường xăng dầu trong nước và quốc tế; phân tích logistics, cước vận tải, phí bảo hiểm hàng hải; cung cấp báo cáo dữ liệu phục vụ kinh doanh xăng dầu.	15		
	Từ 05 hợp đồng tương tự trở lên.		15	
	Từ 03 đến dưới 05 hợp đồng tương tự.		10	
	Từ 01 đến dưới 03 hợp đồng tương tự.		5	
	Không có hợp đồng tương tự hoặc không chứng minh được.		0	
1.2	Năng lực tài chính của nhà cung cấp	10		
	- Có báo cáo tài chính kiểm toán hợp lệ; hoạt động kinh doanh có lãi tối thiểu 03 năm trong 05 năm gần đây và vốn chủ sở hữu dương.		10	
	- Có báo cáo tài chính kiểm toán hợp lệ; hoạt động kinh doanh có lãi dưới 03 năm trong 05 năm gần đây nhưng vốn chủ sở hữu dương.		5	

	- Không cung cấp đủ tài liệu chứng minh hoặc có vốn chủ sở hữu âm.		0	
1.3	Khả năng tiếp cận và kiểm chứng nguồn dữ liệu phục vụ gói dịch vụ	5		
	Nêu rõ nguồn dữ liệu, phương thức thu thập, đối chiếu và kiểm chứng; chứng minh có khả năng tiếp cận nguồn dữ liệu tin cậy trong nước và khu vực.		5	
	Có nêu nguồn dữ liệu nhưng phương thức kiểm chứng chưa đầy đủ.		3	
	Không nêu rõ nguồn dữ liệu hoặc không chứng minh được khả năng tiếp cận.		0	
2	GIẢI PHÁP VÀ PHƯƠNG PHÁP LUẬN	40		30
2.1	Mức độ am hiểu mục tiêu, phạm vi và yêu cầu đầu ra của gói dịch vụ	10		
	Hiểu rõ đầy đủ mục tiêu, phạm vi, yêu cầu đầu ra, tiến độ và đặc thù sử dụng kết quả cho kỳ đàm phán giá 6 tháng cuối năm 2026.		10	
	Hiểu cơ bản nhưng còn thiếu một số nội dung quan trọng.		5	
	Không thể hiện được mức độ am hiểu.		0	
2.2	Cách tiếp cận, phương pháp luận và phương pháp xử lý số liệu	20		
2.2.1	Cách tiếp cận và phương pháp xử lý số liệu	10		
	Đề xuất phương pháp tiếp cận đầy đủ, logic, phù hợp; mô tả rõ phương pháp thu thập, phân loại, xử lý, chuẩn hóa, đối chiếu và phân tích số liệu cho toàn bộ các nội dung yêu cầu.		10	
	Đề xuất phương pháp tiếp cận tương đối đầy đủ nhưng còn một số nội dung chưa rõ hoặc chưa thật logic.		7	
	Đề xuất phương pháp tiếp cận còn sơ sài, thiếu nhiều nội dung trọng yếu.		3	
	Không đáp ứng.		0	
2.2.2	Phương pháp luận về dự báo và kiểm chứng số liệu	5		
	Phương pháp luận thể hiện rõ cách thức dự báo năm 2026, phương pháp kiểm chứng độ tin cậy số liệu và cách quy đổi/chuẩn hóa kết quả về đơn vị yêu cầu.		5	
	Phương pháp luận có nêu nhưng chưa đầy đủ hoặc chưa rõ phương pháp kiểm chứng.		3	
	Không nêu rõ.		0	
2.2.3	Cấu trúc sản phẩm đầu ra và khả năng giải trình	5		
	Đề xuất thể hiện rõ cấu trúc báo cáo đầu ra, biểu mẫu/bảng biểu dự kiến và khả năng giải trình, bảo vệ số liệu khi PVNDB yêu cầu.		5	
	Đề xuất có nêu nhưng chưa rõ.		3	
	Không nêu.		0	
2.3	Kế hoạch triển khai, tiến độ và tổ chức thực hiện	10		
2.3.1	Kế hoạch triển khai và tiến độ thực hiện	5		
	Có kế hoạch triển khai chi tiết theo bước công việc, mốc thời gian, sản phẩm đầu ra từng giai đoạn; phù hợp với thời hạn thực hiện hợp đồng.		5	

	Kế hoạch triển khai có nêu nhưng chưa chi tiết.		3	
	Không đáp ứng.		0	
2.3.2	Tổ chức thực hiện và cơ chế phối hợp	3		
	Phân công nhân sự, cơ chế phối hợp nội bộ và cơ chế trao đổi/làm rõ với PVNDB rõ ràng, khả thi.		3	
	Có nêu nhưng chưa rõ.		1	
	Không nêu.		0	
2.3.3	Bảng tiến độ và danh mục sản phẩm bàn giao	2		
	Có bảng tiến độ, danh mục sản phẩm bàn giao và thời điểm nộp báo cáo.		2	
	Không có hoặc thể hiện không rõ.		0	
3	NHÂN SỰ THỰC HIỆN DỊCH VỤ	30		20
3.1	Chuyên gia chủ trì/chuyên gia cao cấp: Trường hợp Nhà cung cấp đề xuất nhiều hơn 01 chuyên gia trong cùng một nhóm, điểm của từng tiêu chí thành phần của nhóm chuyên gia đó được tính bằng trung bình cộng điểm của các chuyên gia trong nhóm.	15		
3.1.1	Trình độ chuyên môn	5		
	- Trên đại học, chuyên ngành phù hợp.		5	
	- Đại học, chuyên ngành phù hợp.		3	
	- Không phù hợp hoặc dưới đại học.		0	
3.1.2	Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự	10		
	- Trên 10 năm.		10	
	- Từ 05 đến 10 năm.		7	
	- Dưới 05 năm.		5	
3.2	Chuyên gia: Trường hợp Nhà cung cấp đề xuất nhiều hơn 01 chuyên gia trong cùng một nhóm, điểm của từng tiêu chí thành phần của nhóm chuyên gia đó được tính bằng trung bình cộng điểm của các chuyên gia trong nhóm.	10		
3.2.1	Trình độ chuyên môn	3		
	- Đại học trở lên, chuyên ngành phù hợp.		3	
	- Dưới đại học hoặc chuyên ngành không phù hợp.		0	
3.2.2	Kinh nghiệm thực hiện công việc tương tự	7		
	- Trên 05 năm.		7	
	- Từ 03 đến 05 năm.		3	
	- Dưới 03 năm.		1	
3.3	Phân công công việc cho từng thành viên	5		
	- Phân công rõ ràng, hợp lý, gắn với chuyên môn và khối lượng công việc.		5	
	- Có phân công nhưng chưa thật hợp lý hoặc còn chùng chéo.		4	
	- Không hợp lý hoặc không thể hiện rõ.		0	
	Tổng	100		70*

(*): Nhà cung cấp được xem là đáp ứng tiêu chuẩn kỹ thuật khi đồng thời đáp ứng các điều kiện sau:

- Có số điểm từng hạng mục không thấp hơn mức tối thiểu được quy định;
- Có tổng số điểm lớn hơn hoặc bằng tổng điểm tối thiểu (70 điểm);
- Không có tiêu chí thành phần nào bị chấm 0 điểm đối với các nội dung cốt lõi gồm: kinh nghiệm hợp đồng tương tự; phương pháp thu thập, kiểm chứng và xử lý số liệu; nhân sự chủ trì.

2. Đánh giá về tài chính

Sử dụng thang điểm 100 thống nhất với thang điểm về kỹ thuật. Điểm giá được xác định như sau:

$$\text{Điểm giá}_{\text{đang xét}} = \frac{G_{\text{thấp nhất}} \times 100}{G_{\text{đang xét}}}$$

Trong đó:

- + Điểm giá_{đang xét}: Điểm giá của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét;
- + G_{thấp nhất}: Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất trong số các nhà thầu được đánh giá chi tiết về tài chính;
- + G_{đang xét}: Giá dự thầu sau sửa lỗi, hiệu chỉnh sai lệch, trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ đề xuất về tài chính đang xét.

3. Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp:

Chỉ các Nhà cung cấp đáp ứng được tiêu chuẩn kỹ thuật và có giá dự thầu thấp hơn dự toán kinh phí mới đủ tiêu chuẩn để được đánh giá tổng hợp.

Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp được xây dựng trên cơ sở tiêu chuẩn đánh giá về mặt kỹ thuật và về mặt tài chính, trong đó tỷ trọng điểm về mặt kỹ thuật không được quy định thấp hơn 70% tổng số điểm và tỷ trọng điểm về mặt tài chính không được quy định cao hơn 30% tổng số điểm.

Điểm tổng hợp được xác định theo công thức sau đây:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = 70\% \times \text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}} + 30\% \times \text{Điểm giá}_{\text{đang xét}}$$

Trong đó:

- + Điểm kỹ thuật_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật;
- + Điểm giá_{đang xét}: Là số điểm được xác định tại bước đánh giá về giá.

Nhà cung cấp có điểm tổng hợp cao nhất sẽ được xếp hạng 1 và tiến hành đàm phán Hợp đồng.

Mục 17. Sửa lỗi

1. Sửa lỗi là việc sửa những sai sót trong HSTD bao gồm lỗi số học và các lỗi khác được tiến hành theo nguyên tắc sau đây :

a. Lỗi số học bao gồm những lỗi do thực hiện các phép tính cộng, trừ, nhân, chia không chính xác khi tính toán giá đề xuất. Trường hợp không nhất quán giữa đơn giá và thành tiền thì lấy đơn giá làm cơ sở cho việc sửa lỗi; nếu phát hiện đơn giá có sự sai khác bất thường do lỗi hệ thập phân (10 lần, 100 lần, 1.000 lần) thì thành tiền là cơ sở cho việc sửa lỗi.

b. Các lỗi khác:

- Tại cột thành tiền đã được điền đầy đủ giá trị nhưng không có đơn giá tương ứng thì đơn giá được xác định bổ sung bằng cách chia thành tiền cho số lượng; khi có đơn giá nhưng cột thành tiền bỏ trống thì giá trị cột thành tiền sẽ được xác định bổ sung bằng cách nhân số lượng với đơn giá; nếu một nội dung nào đó có điền đơn giá và giá trị tại cột thành tiền nhưng bỏ trống số lượng thì số lượng bỏ trống được xác định bổ sung bằng cách chia giá trị tại cột thành tiền cho đơn giá của nội dung đó. Trường hợp số lượng được xác định bổ sung nêu trên khác với số lượng nêu trong HSYC thì giá trị sai khác đó là sai lệch về phạm vi cung cấp và được hiệu chỉnh theo quy định tại Mục 18;
- Lỗi nhầm đơn vị tính: sửa lại cho phù hợp với yêu cầu của HSYC;
- Trường hợp có khác biệt giữa những nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật và nội dung thuộc đề xuất về tài chính thì nội dung thuộc đề xuất về kỹ thuật sẽ là cơ sở cho việc sửa lỗi;
- Trường hợp có khác biệt giữa con số và chữ viết thì lấy chữ viết làm cơ sở pháp lý cho việc sửa lỗi. Nếu chữ viết sai thì lấy con số sau khi sửa lỗi theo quy định tại Mục này làm cơ sở pháp lý;
- Trường hợp có khác biệt giữa giá ghi trong Thư đề xuất giá (không kể giảm giá) và giá trong bảng tổng hợp chi phí thì căn cứ vào giá ghi trong bảng tổng hợp chi phí sau khi bảng này được sửa lỗi theo quy định tại Mục này.

2. Sau khi sửa lỗi theo quy định tại Khoản 1 Mục này, Bên tổ chức mua sắm thông báo trên hệ thống cho nhà cung cấp biết về việc sửa lỗi đối với HSTD của nhà cung cấp. Trong vòng 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên tổ chức mua sắm, nhà cung cấp phải có văn bản thông báo trên hệ thống cho Bên tổ chức mua sắm về việc chấp thuận kết quả sửa lỗi. Trường hợp nhà cung cấp không chấp thuận kết quả sửa lỗi thì HSTD của nhà cung cấp đó sẽ bị loại.

Mục 18. Hiệu chỉnh sai lệch

1. Trường hợp HSTD chào thiếu hoặc thừa nội dung so với yêu cầu của HSYC thì phải tiến hành hiệu chỉnh sai lệch. Việc hiệu chỉnh sai lệch được thực hiện trên nguyên tắc bảo đảm công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế.
2. Sau khi hiệu chỉnh sai lệch, Bên tổ chức mua sắm thông báo trên hệ thống cho nhà cung cấp biết về việc hiệu chỉnh sai lệch đối với HSTD của nhà cung cấp. Trong vòng 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo của Bên tổ chức mua sắm, nhà cung cấp phải có văn bản thông báo ý kiến của mình trên hệ thống cho Bên tổ chức mua sắm về kết quả hiệu chỉnh sai lệch. Trường hợp nhà cung cấp không chấp thuận kết quả hiệu chỉnh sai lệch thì phải nêu rõ lý do để Bên tổ chức mua sắm xem xét, quyết định.

Mục 19. Bảo mật và việc tiếp xúc với Bên tổ chức mua sắm

1. Thông tin liên quan đến việc đánh giá HSTD và đề nghị nhà cung cấp được lựa chọn phải được giữ bí mật và không được phép tiết lộ cho các nhà cung cấp hay bất kỳ người nào không liên quan đến quá trình lựa chọn nhà cung cấp cho tới khi công khai kết quả lựa chọn nhà cung cấp. Trong mọi trường hợp không được tiết lộ thông tin trong HSTD của nhà cung cấp này cho nhà cung cấp khác, trừ thông tin được công khai khi mở HSTD.
2. Trừ trường hợp mở HSTD, làm rõ HSTD và đàm phán hợp đồng, không nhà cung cấp nào được phép tiếp xúc với Bên tổ chức mua sắm về các vấn đề liên quan đến HSTD của mình cũng như liên quan đến gói mua sắm trong suốt thời gian kể từ sau thời hạn nộp HSTD đến khi thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp.

Mục 20. Đàm phán hợp đồng

1. Việc đàm phán hợp đồng phải dựa trên cơ sở sau đây:
 - a. Báo cáo đánh giá HSTD;
 - b. HSTD và các tài liệu làm rõ HSTD (nếu có) của nhà cung cấp;
 - c. HSYC.
2. Thời gian tiến hành đàm phán sẽ theo thông báo của Bên tổ chức mua sắm tới nhà cung cấp, trong vòng 02 ngày kể từ ngày có kết quả lựa chọn.
3. Nguyên tắc thương thảo hợp đồng:
 - a. Không tiến hành thương thảo đối với các nội dung mà nhà cung cấp đã đề xuất theo đúng yêu cầu của HSYC;
 - b. Trong quá trình thương thảo, nhà cung cấp không được thay đổi các ĐKKT trong HSTD, trừ trường hợp do thời gian đánh giá HSTD kéo dài hơn so

với quy định hoặc vì lý do bất khả kháng. Trong trường hợp này, nhà cung cấp phải đưa ra ĐXKT tương đương hoặc cao hơn với đề xuất trong HSTD và nhà cung cấp không được thay đổi giá đề xuất.

4. Trường hợp nhà cung cấp không đến đàm phán theo thời gian quy định hoặc nhà cung cấp không đồng ý các điều khoản chính quy định tại PHẦN THỨ TƯ – CÁC ĐIỀU KHOẢN CHÍNH CỦA HỢP ĐỒNG trong HSYC dẫn đến việc các bên không thống nhất được nội dung hợp đồng, Bên tổ chức mua sắm xem xét, quyết định mời nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo vào đàm phán; trường hợp việc đàm phán với các nhà cung cấp xếp hạng tiếp theo không thành công thì Bên tổ chức mua sắm có quyền hủy kết quả.

Mục 21. Điều kiện được xem xét ký hợp đồng

Nhà cung cấp được xem xét ký hợp đồng sau khi hoàn tất đàm phán hợp đồng không vượt dự toán gói dịch vụ.

Mục 22. Hủy gói dịch vụ

Bên tổ chức mua sắm được quyền hủy gói dịch vụ khi có một trong các trường hợp sau:

- Tất cả HSTD không đáp ứng được các yêu cầu của HSYC
- Thay đổi mục tiêu, phạm vi đầu tư đã ghi trong HSYC
- Có bằng chứng về việc đưa, nhận, môi giới hối lộ, thông thầu, gian lận, lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đấu thầu dẫn đến làm sai lệch kết quả

Khi hủy, Bên tổ chức mua sắm không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào và các nhà cung cấp không có quyền yêu cầu đối với bất kỳ chi phí, nghĩa vụ nào phát sinh cho nhà cung cấp liên quan đến quá trình tham gia gói dịch vụ.

Mục 23. Thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp

Sau khi có quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà cung cấp, Bên tổ chức mua sắm thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp trên mạng đấu thầu quốc gia.

Mục 24. Xử lý kiến nghị

Nhà cung cấp có HSTD tham dự có quyền kiến nghị về kết quả lựa chọn nhà cung cấp và những vấn đề liên quan trong quá trình lựa chọn nhà cung cấp khi thấy quyền, lợi ích hợp pháp của mình bị ảnh hưởng. Đơn kiến nghị phải được gửi đến Bên tổ chức mua sắm trong vòng 01 ngày, kể từ ngày có thông báo kết quả lựa chọn nhà cung cấp. Bên tổ

chức mua sắm sẽ có ý kiến giải quyết kiến nghị gửi đến nhà cung cấp trong vòng 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản kiến nghị của nhà cung cấp.

PHẦN THỨ HAI: PHẠM VI CUNG CẤP

I. Mô tả chi tiết phạm vi công việc:

1. *Cung cấp báo cáo kết quả khảo sát, thu thập, phân tích số liệu khối lượng tiêu thụ vùng miền:*
 - Cung cấp báo cáo về số liệu tổng nhu cầu tiêu thụ xăng dầu thị trường Việt Nam (phân bổ theo khu vực Miền Bắc/ Miền Trung/ Miền Nam) theo từng chủng loại sản phẩm (Gasoline 92 mức 2, Gasoline 95 mức 3, Gasoline 95 mức 5, DO 0.05S, DO 0.001S và Jet A1): cập nhật thực tế từ tháng 10/2025 đến tháng 3/2026 và cập nhật dự báo năm 2026 (bao gồm: Xăng không chì để sử dụng làm xăng nền phối trộn xăng sinh học dự kiến từ 1/6/2026).
2. *Cung cấp báo cáo kết quả khảo sát, thu thập số liệu cước phí vận chuyển và phí bảo hiểm:*
 - 2.1. Tổng hợp thông tin về tất cả các cỡ tàu, tỷ trọng các cỡ tàu cập nhật từ tháng 10/2025 đến tháng 3/2026 đối với:
 - Tuyến quốc tế từ Singapore về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam Việt Nam.
 - Tuyến nội địa từ NMLD Nghi Sơn về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam Việt Nam.
 - 2.2. Cung cấp, tổng hợp số liệu cước phí vận chuyển cập nhật thực tế từ tháng 10/2025 đến tháng 3/2026 và cập nhật dự báo năm 2026 đối với:
 - Các tàu vận chuyển xăng dầu theo đầy đủ cỡ tàu tuyến quốc tế từ Singapore về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam Việt Nam.
 - Các tàu vận chuyển xăng dầu theo đầy đủ cỡ tàu tuyến nội địa từ NMLD Nghi Sơn về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam Việt Nam.
 - Các số liệu cước phí sẽ được quy ra đơn vị tính cụ thể theo USD/thùng.
 - 2.3. Tổng hợp chi phí bảo hiểm vận tải xăng dầu trong hợp đồng CIF dự kiến cho năm 2026:
 - Các số liệu phí bảo hiểm được quy ra đơn vị tính cụ thể theo USD/thùng.

**Các thông tin, số liệu nêu trên được thu thập, tổng hợp từ các nguồn uy tín, tin cậy trong nước và trong khu vực.*

II. Thời gian thực hiện: Thời gian thực hiện dự kiến: 90 ngày kể từ ngày ký Hợp đồng.

III. Nguồn vốn:

Nguồn chi phí sản xuất kinh doanh năm 2026 của Chi nhánh Phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn – Tập đoàn Công nghiệp – Năng lượng Quốc gia Việt Nam.

nh

PHẦN THỨ BA: CÁC BIỂU MẪU VÀ HƯỚNG DẪN

Mẫu số 1

THƯ ĐĂNG KÝ THAM DỰ

Gói thầu dịch vụ

“Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa” phục vụ kỳ đàm phán giá 6 tháng cuối năm 2026.

_____, ngày ____ tháng ____ năm ____

Kính gửi: Chi nhánh Phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn

Trên cơ sở thông tin về Kế hoạch tổ chức mua sắm và Hồ sơ yêu cầu Gói thầu dịch vụ “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa” phục vụ kỳ đàm phán giá 6 tháng cuối năm 2026 do Quý công ty công bố, chúng tôi, ____ [tên nhà cung cấp], bằng Thư đăng ký tham gia này và bộ Hồ sơ tham dự đính kèm, thể hiện sự mong muốn tham gia và cam kết cung cấp dịch vụ theo đúng yêu cầu của Hồ sơ yêu cầu.

Thời gian thực hiện hợp đồng là 90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

Hồ sơ tham dự của chúng tôi gồm có nội dung đề xuất về kỹ thuật và đề xuất về thương mại.

Chúng tôi cam kết:

1. Chỉ tham gia trong một hồ sơ tham dự này với tư cách là nhà cung cấp chính.
2. Không đang trong quá trình giải thể; không bị kết luận đang lâm vào tình trạng phá sản hoặc nợ không có khả năng chi trả theo quy định của pháp luật.
3. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.
4. Những thông tin kê khai trong hồ sơ dự thầu là trung thực và không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu khi tham dự gói thầu này.
5. Các thông tin, số liệu được thu thập, tổng hợp từ các nguồn uy tín, tin cậy trong nước và trong khu vực.
6. Không thay đổi các nội dung đã đề xuất trong thời gian Hồ sơ tham dự có hiệu lực. Thời gian có hiệu lực của Hồ sơ tham dự là ____ ngày [Ghi số ngày], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi ngày có thời hạn nộp HSTD].

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Mẫu số 2

THỎA THUẬN LIÊN DANH⁽¹⁾

_____, ngày ___ tháng ___ năm ___

Gói thầu: _____ [Ghi tên gói thầu]

- Căn cứ ⁽²⁾ _____

- Căn cứ hồ sơ mời thầu gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] ngày ___ tháng ___ năm ___ [Ngày được ghi trên HSYC];

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh _____ [Ghi tên từng thành viên liên danh]

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Fax: _____

E-mail: _____

Tài khoản: _____

Mã số thuế: _____

Giấy ủy quyền số ___ ngày ___ tháng ___ năm ___ (trường hợp được ủy quyền).

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với nội dung như sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu dịch vụ tư vấn ___ [Ghi tên gói thầu].
2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu là: ___ [Ghi tên của liên danh theo thỏa thuận].
3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với thành viên khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp

đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh
- Bồi thường thiệt hại cho chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng
- Hình thức xử lý khác _____ [Ghi rõ hình thức xử lý khác].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất chịu trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng để thực hiện gói thầu _____ [Ghi tên gói thầu] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh

Các bên nhất trí ủy quyền cho _____ [Ghi tên một bên] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽³⁾:

[- Ký đơn dự thầu;

- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu, kể cả văn bản đề nghị làm rõ HSYC và văn bản giải trình, làm rõ HSTD;

- Tham gia quá trình thương thảo hợp đồng

- Tham gia quá trình hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;

- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng _____ [Ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây⁽⁴⁾ :

Stt	Tên	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % so với tổng giá dự thầu
1	<i>Tên thành viên đứng đầu liên danh</i>	- _____ - _____	- _____ % - _____ %
2	<i>Tên thành viên thứ 2</i>	- _____ - _____	- _____ % - _____ %
...
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm và nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy đấu thầu gói thầu _____ [*Ghi tên gói thầu*] theo thông báo của bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập thành _____ bản, mỗi bên giữ _____ bản, các bản thỏa thuận có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[*Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[*Ghi tên từng thành viên, chức danh, ký tên và đóng dấu*]

Ghi chú:

- (1) Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu, nội dung thỏa thuận liên danh theo mẫu này có thể được sửa đổi bổ sung cho phù hợp. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập thì trong thỏa thuận liên danh phải nêu rõ tên, số hiệu của các phần mà nhà thầu liên danh tham dự thầu, trong đó nêu rõ trách nhiệm chung và trách nhiệm riêng của từng thành viên liên danh đối với phần tham dự thầu.
- (2) Cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.
- (3) Phạm vi ủy quyền bao gồm một hoặc nhiều công việc nêu trên.
- (4) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

2-0
NHÂN
SĨ SÀN
U NGH
N CÔNG
LƯỢNG QI
IỆT N
ĐINH-T

Mẫu số 3

NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM CỦA NHÀ CUNG CẤP

A. Thông tin chung về nhà cung cấp:

- Tên nhà cung cấp:
- Người đại diện theo pháp luật:
- Trụ sở chính:
- Ngày thành lập công ty:

B. Kinh nghiệm về hợp đồng tương tự của nhà cung cấp

Các Hợp đồng tương tự do nhà cung cấp thực hiện trong vòng 05 năm gần đây.

Hợp đồng tương tự	Tên khách hàng	Giá hợp đồng	Thời gian thực hiện	Tóm tắt phạm vi công việc
...				
...				

Nhà cung cấp phải gửi kèm theo bản chụp các văn bản, tài liệu liên quan như: bản sao hợp đồng, hóa đơn thanh toán cho dịch vụ cung cấp, biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, ... nhằm mục đích chứng minh việc có thực hiện Hợp đồng tương tự liệt kê.

C. Năng lực tài chính:

	Số liệu tài chính			
	Năm 1	Năm 2	...	Năm 5
Tổng tài sản				
Tổng nợ				
Giá trị tài sản ròng				
Tài sản ngắn hạn				
Nợ ngắn hạn				
Vốn lưu động				
Tổng doanh thu				
Lợi nhuận trước thuế				
Lợi nhuận sau thuế				

Mẫu số 4

ĐỀ XUẤT KỸ THUẬT

1. *Xác định mục đích của công việc: NCC nêu mức độ hiểu biết về mục đích công việc và nhu cầu của Bên tổ chức mua sắm;*
2. *Cách tiếp cận và triển khai: NCC nêu phương pháp tiếp cận để triển khai dịch vụ, kế hoạch và tiến độ triển khai, phương án bố trí nhân sự.*
3. *Đề xuất bố trí nhân sự thực hiện dịch vụ:*

Vị trí công việc	Tên nhân sự	Mô tả công việc
		<i>Mục này mô tả công việc mà nhân sự tại vị trí này sẽ thực hiện</i>

Với mỗi vị trí nhân sự yêu cầu NCC cung cấp lý lịch bằng cấp và kinh nghiệm

4. *Đề xuất trang thiết bị, phương tiện thực hiện (nếu có):*

Công việc	Loại phương tiện, công cụ	Mô tả tính năng
	<i>Mục này mô tả phương tiện, công cụ, có thể là các loại phần mềm, được sử dụng để thực hiện dịch vụ</i>	<i>Mục này mô tả tính năng của phương tiện, công cụ,</i>

5. *Cam kết về đầu ra của dịch vụ (nếu có):*

Cam kết đầu ra	Phương pháp kiểm tra	Cam kết giảm trừ thanh toán nếu không đáp ứng tiêu chuẩn về chất lượng dịch vụ
		<i>Nhà cung cấp đề xuất mức % giảm trừ vào phí dịch vụ</i>

Mẫu số 5

THƯ ĐỀ XUẤT THƯƠNG MẠI

Gói thầu dịch vụ

**“Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam
và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa”
phục vụ kỳ đàm phán giá 6 tháng cuối năm 2026**

_____, ngày ____ tháng ____ năm _____

Kính gửi: Chi nhánh Phân phối sản phẩm lọc dầu Nghi Sơn

Tiếp theo nội dung đề xuất về kỹ thuật trong Hồ sơ tham dự Gói thầu dịch vụ “Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa” phục vụ kỳ đàm phán giá 6 tháng cuối năm 2026, chúng tôi xin gửi đề xuất về thương mại với tổng số tiền là _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ]. [đồng tiền chào giá là đồng Việt Nam] [Giá dự thầu phải bao gồm tất cả các loại chi phí, thuế nếu có].

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với số tiền giảm giá là ____ [Ghi giá trị giảm giá bằng số, bằng chữ và đồng tiền]. Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: _____ [Ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền]. [Phần này chỉ ghi nếu có giảm giá]

Đề xuất về giá này có hiệu lực trong ____ ngày [Ghi số ngày căn cứ theo thời gian có hiệu lực của hồ sơ đề xuất về kỹ thuật], kể từ ngày ____ tháng ____ năm ____ [Ghi ngày có thời hạn nộp HSTD]

Đại diện hợp pháp của nhà cung cấp

[Ghi tên, chức danh, ký tên và đóng
dấu]

Mẫu số 6
TỔNG HỢP CHI PHÍ

Hạng mục	Chi phí
Thù lao cho chuyên gia	
Chi phí khác (ngoài thù lao)	
Thuế các loại	
Tổng chi phí	



Handwritten mark

PHẦN THỨ TƯ: DỰ THẢO HỢP ĐỒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ

“Cung cấp báo cáo nhu cầu sản phẩm xăng dầu tại thị trường Việt Nam và cước phí, phí bảo hiểm tàu vận tải xăng dầu tuyến quốc tế, nội địa” phục vụ kỳ đàm phán giá 6 tháng cuối năm 2026

Số: /

GIỮA

CHI NHÁNH PHÂN PHỐI SẢN PHẨM LỘC DẦU NGHI SƠN

– TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP – NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT NAM,

VÀ

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DO 0.001S và Jet A1): cập nhật thực tế từ tháng 10/2025 đến tháng 3/2026 và cập nhật dự báo năm 2026 (bao gồm: Xăng không chì để sử dụng làm xăng nền phối trộn xăng sinh học dự kiến từ 1/6/2026).

2. *Cung cấp báo cáo kết quả khảo sát, thu thập số liệu cước phí vận chuyển và phí bảo hiểm:*

2.1. Tổng hợp thông tin về tất cả các cỡ tàu, tỷ trọng các cỡ tàu cập nhật từ tháng 10/2025 đến tháng 3/2026 đối với:

- Tuyến quốc tế từ Singapore về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam Việt Nam.
- Tuyến nội địa từ NMLD Nghi Sơn về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam Việt Nam.

2.2. Cung cấp, tổng hợp số liệu cước phí vận chuyển cập nhật thực tế từ tháng 10/2025 đến tháng 3/2026 và cập nhật dự báo năm 2026 đối với:

- Các tàu vận chuyển xăng dầu theo đầy đủ cỡ tàu tuyến quốc tế từ Singapore về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam Việt Nam.
- Các tàu vận chuyển xăng dầu theo đầy đủ cỡ tàu tuyến nội địa từ NMLD Nghi Sơn về các cảng Miền Bắc/Miền Trung/Miền Nam Việt Nam.
- Các số liệu cước phí sẽ được quy ra đơn vị tính cụ thể theo USD/thùng.

2.3. Tổng hợp chi phí bảo hiểm vận tải xăng dầu trong hợp đồng CIF dự kiến cho năm 2026:

- Các số liệu phí bảo hiểm được quy ra đơn vị tính cụ thể theo USD/thùng.

**Các thông tin, số liệu nêu trên được thu thập, tổng hợp từ các nguồn uy tín, tin cậy trong nước và trong khu vực.*

1.2 Thời gian thực hiện Hợp đồng:

90 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.

ĐIỀU 2. PHÍ DỊCH VỤ, THỜI HẠN VÀ PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN

2.1 Phí dịch vụ

(i) Phí dịch vụ là: ...

(ii) Đồng tiền thanh toán là Đồng Việt Nam.

(iii) **Bên A** có nghĩa vụ thanh toán cho **Bên B** theo thời hạn thanh toán và phương thức thanh toán quy định tại Khoản 2.2, 2.3 Điều này.

2.2 Thời hạn thanh toán (Các Bên sẽ tiến hành đàm phán)

2.3 Phương thức thanh toán

Việc thanh toán được Bên A thực hiện bằng chuyển khoản vào tài khoản của Bên B phù hợp với nội dung về giá trị thanh toán theo hồ sơ thanh toán:

2.4 Hình thức hợp đồng: Hợp đồng trọn gói

ĐIỀU 3. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A

3.1 Quyền của Bên A

- (i) Yêu cầu **Bên B** thực hiện Công việc quy định trong Hợp đồng này theo đúng tiến độ và đáp ứng được các yêu cầu Công việc.
- (ii) Yêu cầu **Bên B** xác nhận tiến độ thực hiện Công việc tại bất kỳ thời điểm nào trong quá trình thực hiện Hợp đồng.
- (iii) Yêu cầu **Bên B** bổ sung nội dung Báo cáo để phù hợp với Công việc (nếu cần thiết).
- (iv) Yêu cầu **Bên B** trình bày, bảo vệ nội dung của Báo cáo.
- (v) Đơn phương chấm dứt Hợp đồng và yêu cầu **Bên B** phải bồi thường thiệt hại nếu **Bên B** vi phạm nghĩa vụ cam kết, gây thiệt hại cho **Bên A** và không khắc phục hậu quả trong vòng 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo của **Bên A**.
- (vi) **Bên A** có toàn quyền sở hữu, định đoạt bao gồm cả quyền sở hữu trí tuệ đối với Báo cáo do **Bên B** cung cấp cho **Bên A**

3.2 Nghĩa vụ của Bên A

- (i) Thanh toán đầy đủ, đúng hạn cho **Bên B** theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng.
- (ii) Cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho Công việc của **Bên B**.

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B

4.1 Quyền của Bên B

- (i) Yêu cầu **Bên A** cung cấp các hồ sơ, tài liệu, thông tin cần thiết để phục vụ cho Công việc của **Bên B** theo quy định tại Điều 3 của Hợp đồng.
- (ii) Được hưởng phí dịch vụ quy định tại Điều 2 Hợp đồng.

4.2 Nghĩa vụ của Bên B

- (i) Thực hiện các Công việc theo quy định tại Điều 1 Hợp đồng đúng thời hạn Hợp đồng;
- (ii) Chịu trách nhiệm về các nội dung của Báo cáo;
- (iii) Trình bày, bảo vệ nội dung của Báo cáo theo yêu cầu của **Bên A**;
- (iv) Chịu toàn bộ các chi phí liên quan để hoàn thành Công việc, bao gồm nhưng không giới hạn: chi phí thu thập tài liệu, chi phí in ấn;

-035
ÁNH
SẢN PHẨM
NGHI SI
ĐỒNG NGH
G QUỐC C
NAM
-T.P.H

- (v) Bồi thường mọi thiệt hại cho **Bên A** phát sinh từ hành vi vi phạm Hợp đồng của **Bên B**.

ĐIỀU 5. BẢO MẬT THÔNG TIN

- (i) Nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của **Bên A**, **Bên B** không được tiết lộ nội dung của Hợp đồng này hoặc bất cứ thông tin, tài liệu liên quan hay sản phẩm của Công việc thực hiện theo Hợp đồng này cho một Bên thứ ba.
- (ii) **Bên A** có toàn quyền sử dụng mọi tài liệu **Bên B** cung cấp cho **Bên A**.
- (iii) Các Bên cam kết tuân thủ nghiêm chỉnh quy định về bảo mật thông tin nêu tại Điều này.

ĐIỀU 6. SỬA ĐỔI VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

6.1 Hợp đồng này có thể được sửa đổi, bổ sung theo thỏa thuận bằng văn bản giữa các Bên.

6.2 Hợp đồng này sẽ chấm dứt trong một trong các trường hợp sau:

- (i) Khi các Bên hoàn thành các nghĩa vụ theo quy định tại Hợp đồng này;
- (ii) Theo thỏa thuận bằng văn bản của các Bên;
- (iii) Một Bên đơn phương chấm dứt hợp đồng trong trường hợp: Một trong các Bên vi phạm Hợp đồng này mà Bên kia đã thông báo yêu cầu khắc phục hậu quả của vi phạm nhưng Bên vi phạm không thực hiện được yêu cầu đó trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Bên yêu cầu.

ĐIỀU 7. PHẠT VI PHẠM HỢP ĐỒNG

Trong trường hợp **Bên B** không thực hiện một phần hoặc toàn bộ Công việc theo Hợp đồng hoặc Công việc bị chậm tiến độ so với thời hạn quy định tại Điều 2 Hợp đồng, **Bên B** có nghĩa vụ nộp phạt cho **Bên A** với mức phạt là 8% giá trị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm.

ĐIỀU 8. BẤT KHẢ KHÁNG

8.1 Trong Hợp đồng này, bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của mỗi Bên, không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, như: thiên tai, dịch bệnh, chiến tranh, địch họa, Chính phủ trưng dụng người và thiết bị, hoặc có những thay đổi về chủ trương, chính sách đối mới doanh nghiệp nhà nước khiến các Công việc theo Hợp đồng không thể tiếp tục thực hiện được.

- 8.2 Bên bị ảnh hưởng sẽ thông báo cho Bên kia bằng văn bản trong vòng 05 (năm) ngày lịch kể từ thời điểm phát sinh sự kiện bất khả kháng.
- 8.3 Trong khoảng thời gian không thể thực hiện Hợp đồng do sự kiện bất khả kháng, Bên bị ảnh hưởng vẫn phải nỗ lực bằng mọi biện pháp hợp lý để thực hiện các phần việc không bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng.
- 8.4 Trong trường hợp bất khả kháng, các Bên có thể thoả thuận kéo dài thời hạn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng. Nếu các Bên không có thoả thuận khác thì thời hạn thực hiện nghĩa vụ Hợp đồng được tính thêm một thời gian bằng thời gian xảy ra sự kiện bất khả kháng cộng với thời gian hợp lý để khắc phục hậu quả.
- 8.5 Trường hợp thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng kéo dài quá 30 (ba mươi) ngày lịch, Bên không bị ảnh hưởng có quyền chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn. Khi Hợp đồng chấm dứt trước thời hạn trong trường hợp bất khả kháng, hai Bên sẽ nghiệm thu khối lượng Công việc thực tế và **Bên A** sẽ thực hiện thanh toán cho **Bên B** tương ứng với khối lượng Công việc thực tế được nghiệm thu.

ĐIỀU 9. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP

- 9.1 Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này trước tiên phải được các Bên giải quyết thông qua thương lượng, hoà giải.
- 9.2 Nếu tranh chấp không thể giải quyết được bằng thương lượng, hoà giải trong vòng 60 ngày lịch, tranh chấp sẽ được giải quyết tại Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt Nam bên cạnh Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam theo Quy tắc tố tụng trọng tài của Trung tâm này. Số lượng trọng tài viên là 01 (một). Địa điểm tiến hành trọng tài là Hà Nội. Ngôn ngữ dùng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt.

ĐIỀU 10. THÔNG BÁO

- 10.1. Thông báo giữa các Bên được thực hiện bằng văn bản tới địa chỉ nêu tại phần đầu của Hợp đồng này hoặc bằng email tới địa chỉ email do các Bên cung cấp.
- 10.2. Thông báo của một Bên sẽ có hiệu lực kể từ ngày Bên kia nhận được hoặc theo ngày hiệu lực nêu trong thông báo, tùy theo ngày nào đến muộn hơn.

ĐIỀU 11. ĐIỀU KHOẢN CHUNG

- 11.1 Hợp đồng này được điều chỉnh bởi pháp luật Việt Nam.
- 11.2 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 11.3 Hợp đồng này và bất kỳ điều khoản nào của Hợp đồng này chỉ được sửa đổi nếu việc sửa đổi đó được lập thành văn bản do người có thẩm quyền của các Bên ký. Các thay đổi, điều chỉnh này là bộ phận không thể tách rời của Hợp đồng.



Handwritten signature or mark in blue ink.

- 11.4 Nếu một hoặc nhiều điều khoản trong Hợp đồng này vô hiệu hoặc không có hiệu lực, thì hành theo pháp luật hiện hành thì tính hiệu lực, tính hợp pháp của các điều khoản còn lại của Hợp đồng sẽ không bị ảnh hưởng.
- 11.5 Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau, **Bên A** giữ 02 bản và **Bên B** giữ 02 bản để thực hiện.

**CHI NHÁNH PHÂN PHỐI SẢN
PHẨM LỘC DẦU NGHI SƠN -
TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP -
NĂNG LƯỢNG QUỐC GIA VIỆT
NAM**

Bên B